

BÀN VỀ QUYỀN TIẾP CẬN TÍN DỤNG DƯỚI GÓC ĐỘ QUYỀN CON NGƯỜI

NGUYỄN THỊ DIU HIỀN *

Tóm tắt: Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu ngày càng phát triển và hội nhập sâu rộng, nhu cầu tiếp cận tín dụng chính thức trở thành một yếu tố thiết yếu để bảo đảm quyền phát triển, quyền có việc làm và nâng cao mức sống. Từ thực tiễn đó, bài viết đặt ra vấn đề nghiên cứu về khả năng công nhận quyền tiếp cận tín dụng như một quyền con người. Mục đích của bài viết là làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn để xác lập quyền tiếp cận tín dụng trong hệ thống quyền con người. Bài viết phân tích, làm rõ khái niệm quyền tiếp cận tín dụng; trình bày và đánh giá các quan điểm học thuật ủng hộ và phản đối; phân tích thực trạng pháp luật Việt Nam hiện hành đồng thời đưa ra kiến nghị nhằm hoàn thiện khung pháp lý, đặc biệt là đề xuất ghi nhận quyền tiếp cận tín dụng như một quyền cơ bản trong Hiến pháp Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy quyền tiếp cận tín dụng có đủ điều kiện lý luận và thực tiễn để được công nhận như một quyền con người, góp phần thúc đẩy công bằng xã hội và phát triển bền vững.

Từ khoá: Quyền con người; quyền tiếp cận tín dụng; tín dụng

Nhận bài: 19/4/2025

Hoàn thành biên tập: 30/3/2026

Duyệt đăng: 30/3/2026

THE RIGHT TO ACCESS CREDIT FROM A HUMAN RIGHTS PERSPECTIVE

Abstract: In the context of a rapidly developing and deeply integrated global economy, the need for access to credit has officially become an essential factor in ensuring the right to development, the right to work and to improve their living standards. From this context, the article raises the research question of whether the right to access credit can be recognised as a human right. The article aims to clarify the theoretical and practical foundations for establishing the right to access credit within the human rights framework. The article analyses and clarifies the concept of the right to access credit; presents and evaluates academic perspectives both supporting and opposing this recognition; analyses the current legal framework in Vietnam; and finally, proposes legal reforms, particularly the recognition of the right to access credit as a fundamental right in the Constitution of Vietnam. The research findings show that the right to access credit meets the necessary theoretical and practical conditions to be acknowledged as a human right, contributing to the promotion of social justice and sustainable development.

Keywords: Human rights; right to access credit; credit

Received: 19 April 2025; Editing completed: 30 March 2026; Accepted for publication: 30 March 2026

1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình phát triển kinh tế-xã hội, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, vấn đề tiếp cận các nguồn lực phát triển, trong đó có tín dụng, trở thành một yếu tố then chốt để bảo đảm các quyền kinh tế-xã hội

cơ bản của con người. Tín dụng không chỉ là một công cụ tài chính đơn thuần mà còn giữ vai trò thiết yếu trong việc thúc đẩy sản xuất, hỗ trợ khởi nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, giảm nghèo và cải thiện chất lượng cuộc sống. Khả năng tiếp cận tín dụng, vì vậy, không chỉ là vấn đề kỹ thuật của thị trường tài chính mà còn là một nội dung có ý nghĩa pháp lý và nhân văn sâu sắc.

* Thạc sĩ, Học viện Ngân hàng - Phân viện Phú Yên
E-mail: nguyenthidiuhien1985@gmail.com

Trên thế giới, đã có những quan điểm đề xuất việc xem xét quyền tiếp cận tín dụng như một quyền con người, trong đó tiêu biểu là học giả Muhammad Yunus – người sáng lập Ngân hàng Grameen và là người tiên phong trong lĩnh vực tài chính vi mô. Ông cho rằng tín dụng là một “quyền kích hoạt” (enabling right), giúp con người thực hiện các quyền khác như quyền có việc làm, quyền được giáo dục, quyền có nhà ở và quyền thoát nghèo¹. Quan điểm này đang ngày càng thu hút sự quan tâm của giới học thuật và hoạch định chính sách, nhất là trong bối cảnh yêu cầu bảo đảm công bằng trong tiếp cận nguồn lực và tài chính toàn diện (financial inclusion) ngày càng trở thành xu hướng toàn cầu.

Ở Việt Nam, mặc dù quyền tiếp cận tín dụng chưa được pháp luật ghi nhận như một quyền độc lập, song nhiều quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành đã thể hiện sự ghi nhận và bảo đảm ở mức độ nhất định. Tuy nhiên, việc thiếu vắng một cơ sở hiến định và một khuôn khổ pháp lí rõ ràng cho quyền tiếp cận tín dụng khiến cho các nhóm yếu thế như cá nhân thu nhập thấp, doanh nghiệp nhỏ và vừa gặp nhiều khó khăn khi tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính thức.

Xuất phát từ thực tiễn và từ các yêu cầu lí luận, bài viết phân tích khả năng công nhận quyền tiếp cận tín dụng như một quyền con người, trên cơ sở đó đánh giá thực trạng pháp luật Việt Nam và kiến nghị việc bổ sung quy định quyền tiếp cận tín dụng như một quyền cơ bản trong Hiến pháp.

¹ Muhammad Yunus (1999), *Banker to the Poor: Micro-Lending and the Battle Against World Poverty*, <https://cdn.bookee.app/files/pdf/book/en/banker-to-the-poor.pdf>, tr. 10 - 12, 24 - 30, 32 - 39, 58 - 63, truy cập 12/3/2026.

2. Khái niệm quyền tiếp cận tín dụng

Tín dụng là thuật ngữ kinh tế-tài chính dùng để chỉ quan hệ vay mượn giữa bên cho vay và bên đi vay, trong đó bên cho vay chuyển giao cho bên vay quyền sử dụng một lượng tài sản (thường là tiền) trong một khoảng thời gian nhất định, với cam kết bên vay sẽ hoàn trả đầy đủ cả gốc và lãi theo thỏa thuận². Bản chất của tín dụng là sự tin tưởng, bên cho vay tin rằng bên vay sẽ thực hiện nghĩa vụ hoàn trả đúng hạn³. Tín dụng đóng vai trò quan trọng trong đời sống xã hội, không chỉ thúc đẩy phát triển kinh tế mà còn góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống và đảm bảo sự vận hành hiệu quả của nền kinh tế⁴.

Trong đời sống kinh tế xã hội, nhu cầu về vốn là yếu tố thiết yếu để đáp ứng các mục tiêu khác nhau của các chủ thể, từ cá nhân, hộ gia đình đến doanh nghiệp và tổ chức khác. Cá nhân cần vốn để mua nhà, xe, đầu tư vào giáo dục hoặc chăm sóc sức khỏe; doanh nghiệp cần vốn để mở rộng sản xuất, đầu tư công nghệ và phát triển thị trường. Trong khi đó, các tổ chức xã hội và cơ sở kinh doanh nhỏ cần vốn để duy trì hoạt động và tạo ra các giá trị kinh tế-xã hội. Tuy nhiên, không phải mọi chủ thể đều có sẵn nguồn lực tài chính để đáp ứng nhu cầu đó. Trên thế giới, theo báo cáo năm 2009 của Nhóm Tư vấn hỗ trợ người nghèo (Consultative Group to Assist the Poor - CGAP) thuộc Ngân hàng Thế giới, các nền

² Viện Khoa học Tài chính (2018), *Từ điển Thuật ngữ tài chính tín dụng*, Nxb. Tài chính, Hà Nội, tr. 349.

³ Nguyễn Thị Bích Thảo (2018), *Giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng theo pháp luật Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, tr. 7 - 8.

⁴ Lương Khải Ân (2021), *Hợp đồng cho vay trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng - Lí luận và thực tiễn áp dụng*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 25.

kinh tế phát triển có mức độ tiếp cận tín dụng cao hơn, được thể hiện qua số lượng khoản vay ngân hàng trên 1.000 người trưởng thành⁵. Dữ liệu cho thấy số khoản vay trung bình trên mỗi người trưởng thành ở các quốc gia phát triển cao gần gấp bốn lần so với các nước đang phát triển. Các ngân hàng có xu hướng tập trung phục vụ nhóm khách hàng giàu có, điều này thể hiện qua tỉ lệ cao giữa quy mô khoản vay trung bình và thu nhập trung bình. Hệ quả là một bộ phận lớn dân cư tại các quốc gia thu nhập thấp không được tiếp cận với dịch vụ ngân hàng chính thức. Ước tính có từ 2 đến 3 tỉ người trên thế giới chưa được phục vụ bởi các tổ chức tài chính chính thức⁶.

Theo số liệu từ Merchant Machine năm 2021, Việt Nam đứng thứ hai toàn cầu về tỉ lệ người dân chưa tiếp cận dịch vụ tài chính và không sở hữu tài khoản ngân hàng, chỉ sau Morocco - quốc gia châu Phi dẫn đầu danh sách này. Cụ thể, khoảng 69% dân số Việt Nam chưa tiếp cận được các dịch vụ tài chính chính thức. Ngoài ra, 26% giao dịch tại Việt Nam vẫn được thực hiện bằng tiền mặt, mặc dù tỉ lệ người dân sử dụng Internet đã đạt 66%⁷. Hay theo dữ liệu từ khảo sát của các tác giả Nguyễn Thị Nhung, Gan Christopher, Hu Baiding vào năm 2009, trong tổng số 2.654 doanh nghiệp được khảo sát, 37,6% đã nộp hồ sơ xin vay tại ngân hàng, trong khi 62,4% còn lại lựa chọn các nguồn vay không

chính thức. Trong nhóm 997 doanh nghiệp tiếp cận kênh vay chính thức, có 22% gặp khó khăn trong quá trình vay vốn. Đối với 1.657 doanh nghiệp sử dụng nguồn vay phi chính thức, 40% cho biết họ ưu tiên lựa chọn hình thức này do điều kiện hoàn trả linh hoạt hơn⁸. Hoặc theo thống kê của Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC), hiện nay chỉ có khoảng 32,18% nhu cầu tín dụng của doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) tại Việt Nam được đáp ứng, tương đương 11,2 tỉ USD; khoảng trống tài chính của SMEs ước tính gần 24 tỉ USD⁹.

Những điều trên dẫn đến tầm quan trọng của tín dụng như một công cụ giúp các chủ thể tiếp cận vốn. Từ đây, vấn đề về quyền tiếp cận tín dụng trở nên cấp thiết. Quyền này đảm bảo rằng mọi cá nhân và tổ chức, đặc biệt là các nhóm yếu thế như hộ nghèo, doanh nghiệp nhỏ và vừa, có cơ hội bình đẳng trong việc tiếp cận nguồn vốn cần thiết. Việc đảm bảo quyền tiếp cận tín dụng không chỉ thúc đẩy phát triển kinh tế mà còn góp phần giảm bất bình đẳng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và đảm bảo sự phát triển bền vững. Trong bối cảnh kinh tế hiện đại, quyền tiếp cận tín dụng đã trở thành một phần quan trọng trong hệ thống quyền kinh tế-xã hội, cần được pháp luật bảo vệ, thúc đẩy.

⁵ Bayulgen, O. (2013), "Giving Credit Where Credit Is Due: Can Access to Credit Be Justified as a New Economic Right?", *Journal of Human Rights*, 12(4), tr. 491 - 510.

⁶ Bayulgen, O, tldd, tr. 491 - 510.

⁷ Luca Ventura (2021), *World's Most Unbanked Countries*, <https://gfmag.com/data/worlds-most-unbanked-countries/>, truy cập 18/7/2025.

⁸ Nguyen, Thi Nhung and Gan, Christopher and Hu, Baiding (2015), "Munich Personal RePEc Archive An empirical analysis of credit accessibility of small and medium sized enterprises in Vietnam", *Munich Personal RePEc Archive*, No. 81911, <https://mpra.ub.uni-muenchen.de/81911/>, truy cập 21/02/2025.

⁹ Hoàng Lan (2024), *Khó khăn lấp khoảng trống tài chính 24 tỉ USD cho doanh nghiệp nhỏ và vừa*, <https://vneconomy.vn/kho-khan-lap-khoang-trong-tai-chinh-24-ty-usd-cho-doanh-nghiep-nho-va-va-va.htm>, truy cập 21/02/2025.

Có thể hiểu, quyền tiếp cận tín dụng là “quyền của các cá nhân, tổ chức được có cơ hội tiếp cận và sử dụng các nguồn vốn tín dụng từ tổ chức tài chính, ngân hàng hoặc các nguồn hợp pháp khác để đáp ứng nhu cầu kinh tế, tiêu dùng và phát triển”. Quyền này thuộc về tất cả các chủ thể trong xã hội, bao gồm nhưng không giới hạn bởi cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp và tổ chức. Tuy nhiên, quyền này không đồng nghĩa với quyền được vay vô điều kiện mà được tiếp cận dựa trên nguyên tắc bình đẳng, minh bạch và không phân biệt đối xử. Đặc biệt, quyền tiếp cận tín dụng có ý nghĩa quan trọng đối với nhóm yếu thế như hộ nghèo hoặc doanh nghiệp nhỏ và vừa, những đối tượng thường bị hệ thống tài chính truyền thống loại trừ do thiếu tài sản thế chấp hoặc lịch sử tín dụng. Do đó, nội dung của quyền tiếp cận tín dụng cần bao gồm các yếu tố: 1) Quyền được tiếp cận thông tin về các sản phẩm tín dụng; 2) Quyền được đánh giá tín nhiệm công bằng; 3) Quyền được hưởng các chính sách hỗ trợ tín dụng hợp pháp. Hay nói cách khác, pháp luật bảo vệ quyền này không đồng nghĩa với việc Nhà nước hoặc các chủ thể (như ngân hàng, tổ chức tài chính...) phải cho vay bắt buộc mà hướng tới bảo đảm khả năng tiếp cận công bằng và có điều kiện hợp lý đối với nguồn vốn tín dụng chính thức.

3. Các quan điểm khác nhau liên quan đến việc công nhận quyền tiếp cận tín dụng là một khía cạnh của quyền con người

Nhóm học giả ủng hộ quyền tiếp cận tín dụng là một khía cạnh của quyền con người mà tiêu biểu là Muhammad Yunus - người được giải Nobel Hoà bình năm 2006 vì

những nỗ lực của ông trong việc xóa đói giảm nghèo thông qua sáng kiến tín dụng vi mô, cho rằng quyền tiếp cận tín dụng nên được công nhận như một quyền con người, bởi nó giúp người nghèo tự chủ về kinh tế và cải thiện đời sống¹⁰. Trong khi đó, nhiều nhà kinh tế và triết học chính trị lại phản đối, lập luận rằng quyền tiếp cận tín dụng không đáp ứng các tiêu chí để trở thành một quyền con người và có thể gây ra những hậu quả tiêu cực nếu bị lạm dụng. Trong phần này, tác giả sẽ phân tích các quan điểm ủng hộ quyền tiếp cận tín dụng là một quyền con người; nêu ra và bình luận các lập luận phản đối; phản biện các quan điểm phản đối và cuối cùng tác giả khẳng định rằng quyền tiếp cận tín dụng nên được công nhận là một quyền con người với những điều kiện hợp lý.

3.1. Quan điểm ủng hộ quyền tiếp cận tín dụng là một quyền con người

Quyền tiếp cận tín dụng là một quyền con người, trước hết và quan trọng, vì quyền tiếp cận tín dụng đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của quyền con người.

Thứ nhất, tính phổ biến của quyền tiếp cận tín dụng thể hiện ở việc tất cả cá nhân và doanh nghiệp, không phân biệt quốc tịch, giới tính, địa vị xã hội, đều cần có cơ hội tiếp cận nguồn vốn để phục vụ đời sống và hoạt động kinh doanh. Nguyên tắc này phù hợp với các cam kết quốc tế như Mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc

¹⁰ Muhammad Yunus (1999), *Banker to the Poor: Micro-Lending and the Battle Against World Poverty*, tr. 285, <https://cdn.bookey.app/files/pdf/book/en/banker-to-the-poor.pdf>, truy cập 21/02/2025.

(SDGs), đặc biệt là mục tiêu giảm nghèo và tăng trưởng kinh tế bền vững. Bên cạnh đó, nhiều tổ chức tài chính quốc tế như Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) đã công nhận việc mở rộng khả năng tiếp cận tín dụng là yếu tố quan trọng để thúc đẩy sự phát triển của toàn nhân loại. Thêm vào đó, quyền tiếp cận tín dụng như một công cụ giảm nghèo và thúc đẩy phát triển kinh tế. Theo tác giả Oksan Bayulgen, hàng tỉ người trên thế giới không thể tiếp cận các nguồn tín dụng chính thức, dẫn đến sự bất bình đẳng về cơ hội kinh tế và khiến họ bị mắc kẹt trong vòng luẩn quẩn của nghèo đói¹¹. Khi một cá nhân hoặc doanh nghiệp nhỏ có thể tiếp cận tín dụng, họ có thể đầu tư vào sản xuất, tạo việc làm và nâng cao thu nhập. Kinh nghiệm từ các tổ chức tài chính vi mô như Ngân hàng Grameen¹² cho thấy, việc cung cấp tín dụng nhỏ cho những người không đủ điều kiện vay vốn từ ngân hàng truyền thống có thể mang lại hiệu quả rõ rệt. Không yêu cầu tài sản thế chấp, mô hình tín dụng vi mô dựa trên sự tin tưởng và trách nhiệm cộng đồng đã giúp người thu nhập thấp có cơ hội đầu tư sản xuất, tăng thu nhập và thoát nghèo. Các khoản vay nhỏ nếu được sử dụng đúng mục đích có thể giảm phụ thuộc vào tín dụng đen, thúc đẩy phát triển kinh tế, tạo việc làm và tăng cường ổn định xã hội.

¹¹ Bayulgen, O., tldd, tr. 491 - 510.

¹² Ngân hàng Grameen, được thành lập từ năm 1976 tại Bangladesh bởi Muhammad Yunus, là tổ chức tiên phong trong tín dụng vi mô. Ngân hàng cung cấp các khoản vay nhỏ không cần tài sản thế chấp, chủ yếu hỗ trợ người nghèo, đặc biệt là phụ nữ, giúp họ phát triển kinh tế và thoát nghèo.

Thứ hai, tính liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau của quyền tiếp cận tín dụng được thể hiện rõ qua mối quan hệ với các quyền con người khác. Việc tiếp cận tín dụng giúp cá nhân có cơ hội đầu tư vào giáo dục, y tế, nhà ở và các lĩnh vực khác, từ đó nâng cao chất lượng cuộc sống và thực hiện nhiều quyền con người khác. Chẳng hạn, nếu một cá nhân có thể vay vốn để học tập, họ có thể nâng cao trình độ chuyên môn, từ đó có cơ hội việc làm tốt hơn và cải thiện thu nhập. Ngược lại, nếu không thể tiếp cận tín dụng, họ có thể bị mắc kẹt trong vòng luẩn quẩn của đói nghèo và không thể thực hiện các quyền cơ bản khác¹³. Nếu xem xét tín dụng dưới góc độ triết học chính trị, có thể thấy rằng tín dụng không chỉ là một phương tiện tài chính mà còn là một “quyền kích hoạt” (enabling right), bởi vì nó không chỉ đơn thuần là một công cụ tài chính mà còn giúp cá nhân và doanh nghiệp hiện thực hóa nhiều quyền con người khác¹⁴. Theo Meyer Marco, tín dụng là yếu tố quan trọng giúp cá nhân và doanh nghiệp thực hiện các quyền như quyền có việc làm, quyền tiếp cận giáo dục và quyền sở hữu nhà ở. Việc tiếp cận tín dụng tạo điều kiện cho người dân đầu tư học tập, khởi nghiệp, phát triển sản xuất, từ đó nâng cao thu nhập và cải thiện cuộc sống. Mô hình tín dụng vi mô của Ngân hàng Grameen là minh chứng điển hình cho vai

¹³ Muhammad Yunus (2008), “Creating a World Without Poverty: Social Business and the Future of Capitalism”, *Global Urban Development*, Vol. 4, Iss. 2, 11/2008, <https://www.globalurban.org/GUDMag08Vol4Iss2/Yunus.pdf>, truy cập 21/02/2025.

¹⁴ Meyer, M. (2018), “The right to credit”, *Journal of Political Philosophy*, 26(3), tr. 304 - 326.

trò của tín dụng trong việc giúp người nghèo, đặc biệt là nhóm không thể tiếp cận tài chính truyền thống, có cơ hội thoát nghèo và phát triển bền vững¹⁵.

Thứ ba, tính không thể chuyển nhượng của quyền tiếp cận tín dụng thể hiện ở chỗ nó là một nhu cầu thiết yếu và không thể bị tước bỏ một cách tùy tiện. Tín dụng không chỉ đơn thuần là một dịch vụ tài chính mà còn là công cụ để bảo đảm quyền bình đẳng trong phát triển kinh tế. Ngay cả trong các điều kiện kinh tế khó khăn, nhà nước và các tổ chức tài chính vẫn có trách nhiệm bảo đảm khả năng tiếp cận tín dụng cho các nhóm yếu thế trong xã hội như doanh nghiệp nhỏ và vừa, phụ nữ, người nghèo, để tránh tình trạng phân biệt đối xử trong hệ thống tài chính.

Yunus và những người ủng hộ ông cho rằng tín dụng không chỉ là một công cụ tài chính mà còn là một yếu tố đảm bảo sự công bằng và nhân phẩm cho mọi người, đặc biệt là những nhóm yếu thế¹⁶. Tức là, quyền tiếp cận tín dụng còn được xem là một công cụ giảm nghèo và thúc đẩy phát triển kinh tế, giúp cá nhân và doanh nghiệp có điều kiện mở rộng sản xuất, tạo việc làm và tăng thu nhập. Đồng thời, nó thuộc hệ thống quyền kinh tế và xã hội, vì khả năng tiếp cận tín dụng có tác động trực tiếp đến sự phân bổ tài

nguyên trong xã hội. Ngoài ra, quyền tiếp cận tín dụng đóng vai trò như một quyền kích hoạt, giúp thực hiện các quyền con người khác như quyền có việc làm, quyền tiếp cận giáo dục và quyền sở hữu nhà ở, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững và công bằng hơn. Không chỉ vậy, quyền tiếp cận tín dụng còn gắn liền với việc bảo đảm nhân phẩm con người, bởi khi được tiếp cận nguồn vốn một cách công bằng, các cá nhân và doanh nghiệp, đặc biệt là những nhóm yếu thế, có cơ hội tự chủ về kinh tế, giảm sự phụ thuộc và khẳng định giá trị của mình trong đời sống xã hội.

3.2. Quan điểm phản đối quyền tiếp cận tín dụng là một quyền con người

Những người theo chủ nghĩa tự do (liberals¹⁷) và Benthamites¹⁸ đưa ra nhiều lập

¹⁵ Muhammad Yunus (2017), *Thế giới ba không*, Vũ Thái Hà (dịch), Nxb. Thế giới, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 28 - 32.

¹⁶ Muhammad Yunus (1999), *Banker to the Poor: Micro-Lending and the Battle Against World Poverty*, <https://cdn.bookeekey.app/files/pdf/book/en/banker-to-the-poor.pdf>, tr. 10 - 12, 58 - 63, truy cập 12/3/2026; Hudon, M., tldd, tr. 17 - 28; Bayulgen, O., tldd, tr. 491 - 510.

¹⁷ John Locke (1632 - 1704): Được coi là “cha đẻ của chủ nghĩa tự do”. Những người ủng hộ nổi bật của chủ nghĩa tự do như: Adam Smith (1723 - 1790), John Stuart Mill (1806 - 1873), Friedrich Hayek (1899 - 1992), Milton Friedman (1912 - 2006). Theo đó, những người theo chủ nghĩa tự do (liberals) tin vào các quyền tự do cá nhân, thị trường tự do và sự hạn chế can thiệp của nhà nước vào đời sống kinh tế. Họ cho rằng quyền con người nên giới hạn trong các quyền tự nhiên và cơ bản như quyền sống, quyền tự do và quyền sở hữu tài sản. Trong lĩnh vực kinh tế, những người theo chủ nghĩa tự do phản đối việc nhà nước áp đặt các quyền kinh tế không phải tự nhiên, chẳng hạn như quyền tiếp cận tín dụng, vì họ tin rằng thị trường nên quyết định ai có thể vay vốn dựa trên rủi ro và khả năng hoàn trả, thay vì sự can thiệp hành chính.

¹⁸ “Benthamites” là những người theo triết lý và tư tưởng của Jeremy Bentham (1748 - 1832), một nhà triết học, luật gia người Anh và là cha đẻ của thuyết vị lợi (utilitarianism). Theo Bentham, hành động hay chính sách được coi là đúng nếu nó mang lại “hạnh phúc lớn nhất cho số đông nhất”. Những người theo trường phái Benthamites thường đánh giá các quyền và chính sách dựa trên tính hữu ích

lược phản đối việc công nhận quyền tiếp cận tín dụng như một quyền con người. Các quan điểm này chủ yếu xoay quanh tính hợp lí, hậu quả thực tiễn và tính hữu ích của chính sách thay vì dựa trên lí tưởng về quyền tự nhiên hay đạo đức bẩm sinh. Những học giả chủ trương phản đối việc công nhận quyền tiếp cận tín dụng như một quyền con người dựa trên các lí do và lập luận cơ bản sau:

Thứ nhất, quyền tiếp cận tín dụng không phải là một quyền tự nhiên hay phổ quát. Những người theo chủ nghĩa tự do lập luận rằng quyền con người nên giới hạn trong các quyền có tính tất yếu và không thể phủ nhận, chẳng hạn như quyền sống, quyền tự do và quyền bình đẳng trước pháp luật. Quyền tiếp cận tín dụng, theo họ, không phải là một quyền tự nhiên mà chỉ là một công cụ kinh tế. Việc vay vốn luôn đi kèm điều kiện và rủi ro tài chính và không thể được đảm bảo như một quyền phổ quát. Nếu coi tiếp cận tín dụng là một quyền, nó có thể buộc các ngân hàng và tổ chức tài chính phải cho vay bất chấp khả năng hoàn trả của người vay, điều này đi ngược lại nguyên tắc kinh tế thị trường¹⁹.

Thứ hai, quyền tiếp cận tín dụng không mang lại lợi ích tổng thể lớn nhất. Dưới góc nhìn của Benthamites, chính sách chỉ nên được thực hiện nếu nó mang lại hạnh phúc lớn nhất cho số đông nhất. Nếu mở rộng tín dụng mà không có sự kiểm soát chặt chẽ, nguy cơ vỡ nợ hàng loạt, khủng hoảng tài chính có thể xảy ra, gây bất ổn cho toàn bộ

nền kinh tế. Trong cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008, việc mở rộng tín dụng dưới hình thức các khoản vay thế chấp rủi ro cao đã dẫn đến sự sụp đổ của nhiều tổ chức tài chính lớn, ảnh hưởng tiêu cực đến hàng triệu người. Nếu quyền tiếp cận tín dụng mang lại rủi ro lớn hơn lợi ích thì theo thuyết vị lợi, chính sách này không nên được chấp nhận.

Thứ ba, quyền tiếp cận tín dụng tạo ra nghĩa vụ tài chính và nguy cơ can thiệp thị trường. Một số nhà kinh tế học theo trường phái Benthamites cho rằng nếu quyền tiếp cận tín dụng được bảo đảm bởi nhà nước thì gánh nặng tài chính sẽ chuyển từ người vay sang người nộp thuế hoặc tổ chức tài chính. Tức là, nếu coi quyền tiếp cận tín dụng là một quyền con người và buộc nhà nước phải đảm bảo quyền này thì sẽ có nhiều hệ lụy tài chính và rủi ro thị trường. Khi nhà nước cam kết bảo đảm quyền tiếp cận tín dụng cho tất cả mọi người, bao gồm cả những người không đủ điều kiện vay vốn theo tiêu chuẩn thị trường, có thể dẫn đến nhiều hệ quả tài chính tiêu cực. Khi đó, chính phủ có thể phải dùng ngân sách để trợ cấp hoặc bảo lãnh cho các khoản vay rủi ro cao và nếu người vay không trả được nợ, gánh nặng sẽ chuyển sang người nộp thuế. Điều này gây ra sự bất công xã hội khi những người không vay vốn vẫn phải gián tiếp gánh trách nhiệm tài chính. Ngoài ra, việc can thiệp quá mức vào hoạt động tín dụng cũng có thể làm méo mó cơ chế thị trường, buộc các tổ chức tài chính phải cho vay bất kể rủi ro, từ đó dẫn đến gia tăng nợ xấu và đe dọa ổn định tài chính. Thực tế cho thấy, việc mở rộng tín dụng không kiểm

và hậu quả của chúng, thay vì dựa trên các quyền tự nhiên hay đạo đức bẩm sinh.

¹⁹ Meyer, M, tldd, tr. 304 - 326.

soát là nguyên nhân chính của khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008²⁰.

Thứ tư, quyền tiếp cận tín dụng có thể gây ra hiệu ứng ngược là khuyến khích vay nợ không kiểm soát. Một lập luận khác từ những người phản đối là việc công nhận tín dụng như một quyền con người có thể dẫn đến hiệu ứng ngược, khuyến khích các cá nhân vay tiền mà không cân nhắc khả năng trả nợ. Điều này có thể tạo ra tâm lý ỷ lại, khi người vay cho rằng họ có quyền tiếp cận tín dụng mà không phải chịu trách nhiệm về hậu quả tài chính. Nếu nhiều người rơi vào tình trạng vỡ nợ, nền kinh tế sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực và chính phủ có thể phải can thiệp bằng các gói cứu trợ, làm gia tăng chi tiêu công một cách không bền vững.

3.3. Ý kiến phản biện các quan điểm phản đối việc công nhận quyền tiếp cận tín dụng là một khía cạnh của quyền con người

Những lập luận phản đối quyền tiếp cận tín dụng dựa trên quan điểm tự do cổ điển và thuyết vị lợi có thể không hoàn toàn hợp lý khi xem xét toàn diện tình hình thực tế kinh tế-xã hội hiện nay. Rõ ràng, bảo đảm quyền tiếp cận tín dụng không nhất thiết đi ngược lại nguyên tắc thị trường, không gây bất ổn tài chính mà ngược lại có thể giúp nền kinh tế phát triển công bằng và bền vững hơn, bởi các lí do sau đây:

Thứ nhất, quan điểm cho rằng quyền tiếp cận tín dụng không phải là một quyền tự nhiên hay phổ quát là cách tiếp cận mang tính hạn chế, chưa phản ánh đúng xu hướng phát triển hiện đại của hệ thống quyền con

người. Thực tế, nhiều quyền kinh tế, xã hội như quyền có việc làm, quyền được giáo dục, quyền chăm sóc y tế cũng không được coi là quyền tự nhiên theo học thuyết cổ điển nhưng vẫn được công nhận rộng rãi như những quyền thiết yếu để bảo đảm công bằng xã hội. Oksan Bayulgen cho rằng việc thiếu khả năng tiếp cận tín dụng không đơn thuần là bất lợi tài chính mà còn làm trầm trọng thêm tình trạng vi phạm các quyền phát triển và các quyền kinh tế-xã hội cơ bản của con người, đặc biệt với nhóm người thu nhập thấp và doanh nghiệp nhỏ và vừa²¹. Marek Hudon phân tích thêm rằng, xét từ góc độ đạo đức kinh doanh, quyền tiếp cận tín dụng nên được tiếp cận như một quyền xã hội căn bản, vì bản chất tín dụng là công cụ thúc đẩy năng lực tự chủ kinh tế và hòa nhập xã hội²². Nhiều học giả khác cũng đồng tình với xu hướng mở rộng nội hàm quyền con người. Donnelly lập luận rằng các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa có tính phổ quát không kém gì các quyền dân sự, chính trị²³. Cranston phản bác quan điểm cho rằng chỉ những quyền “tự nhiên” mới được coi là quyền con người, ông cho rằng cách tiếp cận này đã lỗi thời trong xã hội hiện đại²⁴. Beck, Demircuc-Kunt và Levine đã chỉ ra rằng hệ thống tài chính phát triển là điều kiện để

²⁰ Hudon, M. (2009), “Should access to credit be a right?”, *Journal of Business Ethics*, 84(1), tr. 17 - 28.

²¹ Oksan Bayulgen, “Giving Credit Where Credit Is Due: Can Access to Credit Be Justified as a New Economic Right?”, *Journal of Human Rights*, 2013, tr. 491 - 510.

²² Marek Hudon, “Should Access to Credit Be a Right?”, *Journal of Business Ethics*, 2009, tr. 17 - 28.

²³ Jack Donnelly (2003), *Universal Human Rights in Theory and Practice*, Cornell University Press.

²⁴ Maurice Cranston (1973), *What Are Human Rights?*, Taplinger Publishing Co.

giảm bất bình đẳng thu nhập, thông qua việc cải thiện khả năng tiếp cận tín dụng cho các nhóm yếu thế²⁵. Đồng quan điểm, Amartya Sen nhấn mạnh quyền phát triển là quyền cơ bản, trong đó khả năng tiếp cận nguồn lực tài chính đóng vai trò thiết yếu trong việc mở rộng quyền lựa chọn và cải thiện phúc lợi của con người²⁶. Muhammad Yunus với mô hình tín dụng vi mô đã khẳng định tín dụng là “quyền kích hoạt”, giúp phá vỡ vòng luẩn quẩn của đói nghèo, tạo điều kiện cho người nghèo, doanh nghiệp nhỏ tiếp cận cơ hội phát triển kinh tế và xã hội một cách bền vững²⁷. Do vậy, thiết kế hệ thống pháp luật bảo đảm quyền tiếp cận tín dụng là điều cần thiết để thúc đẩy công bằng trong phân bổ nguồn lực và bảo vệ các quyền kinh tế-xã hội khác của con người.

Thứ hai, lập luận cho rằng mở rộng tín dụng không mang lại lợi ích tổng thể, đặc biệt khi dẫn chứng từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 là chưa hoàn toàn chính xác. Thực tế, nguyên nhân chủ yếu của khủng hoảng năm 2008 không nằm ở bản chất việc mở rộng tín dụng mà do sự buông lỏng kiểm soát đối với các khoản vay dưới chuẩn, thiếu các cơ chế thẩm định năng lực tài chính và rủi ro tín dụng. Ngược lại, nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng nếu được quản lý hợp lý, tín dụng, đặc biệt là tín dụng vi mô, đóng vai trò tích cực trong thúc đẩy phát triển kinh

tế-xã hội. Nghiên cứu của Oksan Bayulgen khẳng định tín dụng vi mô đã góp phần giảm nghèo và hỗ trợ phát triển bền vững tại nhiều quốc gia, đặc biệt là thông qua việc trao quyền kinh tế cho các nhóm yếu thế²⁸. Tương tự, Meyer cũng lập luận rằng tín dụng đóng vai trò như một công cụ kích hoạt phát triển kinh tế, giúp người dân thực hiện hiệu quả các quyền cơ bản về việc làm, giáo dục và phát triển nhà ở²⁹. Do đó, thay vì bác bỏ hoàn toàn quyền tiếp cận tín dụng vì lo ngại rủi ro, cần xây dựng các cơ chế kiểm soát tín dụng hợp lý, bảo đảm tiếp cận có trách nhiệm và lành mạnh đối với các nhóm yếu thế.

Thứ ba, lập luận cho rằng quyền tiếp cận tín dụng làm phát sinh nghĩa vụ tài chính lớn cho nhà nước hoặc gây méo mó thị trường chưa phản ánh đầy đủ thực tiễn chính sách tài chính hiện đại. Nhiều nghiên cứu quốc tế chỉ ra rằng các chính phủ có thể hỗ trợ tiếp cận tín dụng thông qua cơ chế gián tiếp như bảo lãnh tín dụng hoặc quỹ phát triển tài chính, giúp nhóm yếu thế tiếp cận vốn mà không phá vỡ quy luật thị trường. Beck, Klapper và Mendoza phân tích rằng các chương trình bảo lãnh tín dụng tại nhiều quốc gia đã mở rộng khả năng tiếp cận vốn cho doanh nghiệp nhỏ mà không làm suy yếu sự ổn định tài chính³⁰. OECD cũng ghi

²⁵ Thorsten Beck, Asli Demirgüç-Kunt, Ross Levine (2007), “Finance, Inequality and the Poor”, *Journal of Economic Growth*, Vol. 12, No. 1.

²⁶ Amartya Sen (1999), *Development as Freedom*, Oxford University Press.

²⁷ Muhammad Yunus (1987), “Credit for Self-employment: A Fundamental Human Right” *Grameen Bank Paper*.

²⁸ Oksan Bayulgen (2013), “Giving Credit Where Credit Is Due: Can Access to Credit Be Justified as a New Economic Right?”, *Journal of Human Rights*, Vol. 12, Iss. 4, tr. 491 - 510.

²⁹ Marco Meyer (2018), “The Right to Credit”, *Journal of Political Philosophy*, 26(3), tr. 304 - 326.

³⁰ Thorsten Beck, Leora Klapper, and Juan Carlos Mendoza (2010), “The Typology of Partial Credit Guarantee Funds Around the World” *World Bank Policy Research Working Paper*, No. 4771.

nhận vai trò tích cực của các chương trình bảo lãnh tín dụng trong thúc đẩy tài chính toàn diện, đặc biệt tại các nền kinh tế phát triển và mới nổi³¹. Báo cáo của World Bank nhấn mạnh rằng mở rộng tiếp cận tài chính thông qua cơ chế hỗ trợ hợp lý giúp nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế mà không làm gia tăng rủi ro hệ thống³². Do đó, đảm bảo quyền tiếp cận tín dụng không chỉ không làm méo mó thị trường mà còn góp phần tối ưu hóa nguồn lực, hỗ trợ tăng trưởng bền vững.

Thứ tư, quan điểm cho rằng quyền tiếp cận tín dụng có thể dẫn đến vay nợ không kiểm soát là có phần phiến diện. Tại nhiều quốc gia, các chương trình tín dụng vi mô đã chứng minh rằng người vay có trách nhiệm với các khoản vay của họ nếu có các cơ chế giám sát và hỗ trợ phù hợp. Theo nghiên cứu của Meyer, tỉ lệ hoàn trả trong các chương trình tín dụng vi mô thường cao hơn so với hệ thống ngân hàng truyền thống. Việc xây dựng một hệ thống tài chính toàn diện không có nghĩa là khuyến khích vay nợ vô trách nhiệm mà là tạo điều kiện để người dân có cơ hội tiếp cận tài chính một cách an toàn và có trách nhiệm, đồng thời được trang bị kiến thức tài chính để sử dụng vốn hiệu quả³³.

Mặc dù có những tranh luận nhưng

quyền tiếp cận tín dụng có thể được công nhận như một quyền con người nếu có sự điều chỉnh hợp lý. Điều này không có nghĩa là buộc các ngân hàng phải cho vay không kiểm soát mà là thiết lập một hệ thống tài chính công bằng, đảm bảo rằng mọi người đều có cơ hội tiếp cận tín dụng khi cần thiết để phát triển kinh tế và xã hội.

4. Thực trạng pháp luật Việt Nam về quyền tiếp cận tín dụng và kiến nghị

4.1. Thực trạng pháp luật Việt Nam về quyền tiếp cận tín dụng

Hiến pháp của Việt Nam qua các thời kỳ đều có quy định về quyền và nghĩa vụ của công dân. Quyền con người được chính thức được ghi nhận từ Hiến pháp năm 1992³⁴. Hiến pháp năm 2013 hiện hành tiếp tục khẳng định đầy đủ các quyền con người và quyền, nghĩa vụ cơ bản công dân, được quy định từ Điều 14 đến Điều 49, thuộc Chương II. Hiến pháp năm 2013 khẳng định nguyên tắc chủ đạo: “*Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật. Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng*” (Điều 14 Hiến pháp năm 2013). Cũng cần nói thêm rằng, trong Hiến pháp năm 2013, quyền con

³¹ OECD (2013), “SME and Entrepreneurship Financing: The Role of Credit Guarantee Schemes and Mutual Guarantee Societies in Supporting Finance for Small and Medium-Sized Enterprises” OECD Working Party on SMEs and Entrepreneurship.

³² World Bank (2014), *Global Financial Development Report 2014: Financial Inclusion*, Washington DC.

³³ Meyer, M. (2018), “The right to credit”, *Journal of Political Philosophy*, 26(3), tr. 304 - 326.

³⁴ Điều 50 Hiến pháp năm 1992 quy định: “*Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá và xã hội được tôn trọng, thể hiện ở các quyền công dân và được quy định trong Hiến pháp và luật*”.

người không chỉ được quy định tại Chương II mà ở nhiều quy định khác cũng thể hiện được tinh thần của nguyên tắc chủ đạo này³⁵. Nhận xét chung, mặc dù không có định nghĩa hay phân loại quyền con người, quyền công dân nhưng Hiến pháp năm 2013 đã liệt kê gần như đầy đủ các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, xã hội, văn hoá theo Tuyên ngôn thế giới về Nhân quyền năm 1948.

Trở lại với quyền tiếp cận tín dụng, mặc dù Hiến pháp năm 2013 không trực tiếp ghi nhận quyền tiếp cận tín dụng như một quyền con người hay quyền cơ bản của công dân, song thông qua nhiều quy định, Hiến pháp đã gián tiếp khẳng định cam kết của Nhà nước trong việc bảo đảm điều kiện để người dân có thể tiếp cận nguồn lực tài chính. Cụ thể, quyền tự do kinh doanh của công dân được bảo đảm tại Điều 33, tạo nền tảng để cá nhân chủ động tham gia vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Điều 51 khẳng định chính sách kinh tế của Nhà nước theo hướng khuyến khích, tạo điều kiện cho doanh nghiệp và cá nhân đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh, trong đó bao gồm cả hỗ trợ về vốn. Bên cạnh đó, quyền được bảo đảm an sinh xã hội (Điều 34), quyền được sử dụng đất với tư cách là nguồn lực hợp pháp (Điều 54)

cùng các chính sách khuyến khích tạo việc làm (Điều 57), bảo đảm tài sản công (Điều 53) đều có mối liên hệ trực tiếp hoặc gián tiếp tới việc tiếp cận tín dụng. Những quy định này cho thấy Nhà nước Việt Nam luôn chú trọng phát huy vai trò điều tiết của mình nhằm bảo đảm các điều kiện vật chất thiết yếu cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh.

Bên cạnh đó, nhiều văn bản quy phạm pháp luật cụ thể hoá, thi hành Hiến pháp cũng đã thể hiện gián tiếp, Nhà nước Việt Nam bảo đảm quyền tiếp cận tín dụng, cụ thể:

Đối với cá nhân và các doanh nghiệp siêu nhỏ, Nhà nước đã ban hành nhiều quy định như là hành lang pháp lý để phát triển hoạt động tài chính vi mô. Văn bản đầu tiên phải kể đến là Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, theo đó, khoản 37 Điều 4 Luật này quy định: *“Tổ chức tài chính vi mô là tổ chức tín dụng chủ yếu thực hiện một hoặc một số hoạt động ngân hàng, nhằm đáp ứng nhu cầu của cá nhân, hộ gia đình có thu nhập thấp và doanh nghiệp siêu nhỏ”*. Ngoài ra, hoạt động của tổ chức tài chính vi mô còn được quy định từ Điều 127 đến Điều 130 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024. Để cụ thể hoá cũng như hướng dẫn các quy định này, Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước cũng ban hành các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động của tổ chức vi mô như: Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ti trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập; Thông

³⁵ Ví dụ: Khoản 1 Điều 57 Hiến pháp năm 2013 quy định: *“Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tạo việc làm cho người lao động”*, quy định này thể hiện Nhà nước đảm bảo quyền được lao động, làm việc của công dân. Hoặc khoản 2 Điều 60 Hiến pháp năm 2013 quy định: *“Nhà nước, xã hội phát triển văn học, nghệ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần đa dạng và lành mạnh của Nhân dân”*, quy định này thể hiện Nhà nước đảm bảo quyền về văn hoá của công dân...

tư số 51/2024/TT-NHNN ngày 29/11/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về kiểm toán độc lập đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô; Thông tư số 14/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về phân loại tài sản có của tổ chức tài chính vi mô... Bên cạnh tổ chức tài chính vi mô có đối tượng khách hàng là cá nhân, hộ gia đình có thu nhập thấp và doanh nghiệp siêu nhỏ còn có một số tổ chức tín dụng khác cũng có chức năng hỗ trợ cá nhân và hộ gia đình tiếp cận các nguồn vốn chính thức như: quỹ tín dụng nhân dân³⁶, ngân hàng chính sách xã hội³⁷.

Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ quan có thẩm quyền cũng ban hành và thực thi nhiều văn bản quy phạm pháp luật nhằm hỗ trợ tiếp cận tín dụng. Điều 8 Luật Hỗ trợ

doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 quy định về hỗ trợ tiếp cận tín dụng như sau: “1. Trong từng thời kỳ, Chính phủ quyết định chính sách hỗ trợ tổ chức tín dụng tăng dư nợ cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa; khuyến khích tổ chức tín dụng cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa dựa trên xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp và biện pháp phù hợp khác; khuyến khích thành lập tổ chức tư vấn độc lập để xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp nhỏ và vừa. 2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được cơ quan, tổ chức, cá nhân hỗ trợ xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh khả thi, tăng cường năng lực quản trị, kỹ năng quản lý, minh bạch hóa tài chính của doanh nghiệp để nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng. 3. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được cấp bảo lãnh tín dụng tại Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Điều 9 của Luật này”. Đề cập thể hoá cũng như hướng dẫn các quy định liên quan đến hỗ trợ tiếp cận tín dụng tại Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017, các cơ quan có thẩm quyền cũng đã ban hành các văn bản: Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ về việc thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nghị định số 39/2019/NĐ-CP ngày 10/5/2019 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nghị định số 45/2024/NĐ-CP ngày 26/4/2024 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 39/2019/NĐ-CP ngày 10/5/2019 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa...

³⁶ Khoản 30 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định: “Quỹ tín dụng nhân dân là tổ chức tín dụng do pháp nhân, cá nhân, hộ gia đình tự nguyện thành lập dưới hình thức hợp tác xã để thực hiện một hoặc một số hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật này nhằm mục tiêu chủ yếu là tương trợ nhau phát triển sản xuất, kinh doanh và đời sống”.

³⁷ Điều 1 Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ quy định: “Thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện chính sách tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên cơ sở tổ chức lại Ngân hàng Phục vụ người nghèo được thành lập theo Quyết định số 230/QĐ-NH5, ngày 01 tháng 9 năm 1995 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam”.

4.2. Kiến nghị ghi nhận quyền tiếp cận tín dụng là quyền hiến định trong hệ thống quyền công dân tại Việt Nam

Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đã chỉ rõ thực trạng doanh nghiệp tư nhân, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đang gặp nhiều rào cản trong tiếp cận nguồn lực, nổi bật nhất là nguồn vốn tín dụng. Nghị quyết xác định rõ yêu cầu hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, xóa bỏ những vướng mắc, bất cập về thể chế, đồng thời nhấn mạnh việc ưu tiên hoàn thiện các chính sách tín dụng ưu đãi, cơ chế bảo lãnh tín dụng, phát triển tín dụng xanh, tín dụng cho khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo. Quan điểm này cho thấy việc mở rộng khả năng tiếp cận tín dụng không chỉ là yêu cầu khách quan trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà còn là nhiệm vụ chính trị nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn cản trở sự phát triển năng động, sáng tạo của khu vực kinh tế tư nhân.

Ngoài ra, có thể thấy mặc dù pháp luật Việt Nam hiện hành chưa ghi nhận quyền tiếp cận tín dụng như một quyền con người cụ thể và trực tiếp nhưng thông qua nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ, quyền này đã bước đầu được thể hiện gián tiếp. Từ các quy định trong Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa cho đến các văn bản dưới luật điều chỉnh về tài chính vi mô, bảo lãnh tín dụng... đều cho thấy Nhà nước đã có những nỗ lực quan trọng nhằm mở rộng khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính thức cho cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hóa và

chuyển dịch sang nền kinh tế tri thức, quyền tiếp cận tín dụng ngày càng được nhìn nhận như một yếu tố cốt lõi bảo đảm thực thi các quyền kinh tế-xã hội quan trọng khác như quyền phát triển, quyền có việc làm và quyền bình đẳng trong kinh tế. Tín dụng không chỉ đơn thuần là một dịch vụ tài chính mà đóng vai trò như “quyền kích hoạt”, mở ra cơ hội phát triển kinh tế, nâng cao khả năng tự chủ tài chính và cải thiện chất lượng sống của người dân. Sự thiếu hụt khả năng tiếp cận tín dụng chính là một trong những nguyên nhân khiến nhiều cá nhân và doanh nghiệp bị loại khỏi chuỗi giá trị kinh tế, không thể mở rộng sản xuất, kinh doanh hay tiếp cận các dịch vụ thiết yếu như giáo dục, y tế, nhà ở.

Từ những lí do trên cho thấy, ghi nhận quyền tiếp cận tín dụng trong Hiến pháp Việt Nam là yêu cầu có tính cấp thiết nhằm hoàn thiện nền tảng pháp lí tối cao, bảo đảm quyền tiếp cận nguồn lực tài chính cho mọi người dân, đặc biệt là các đối tượng yếu thế. Tác giả kiến nghị cần bổ sung một điều khoản trong Chương II: Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân ở Hiến pháp năm 2013 với nội dung: “Mọi người có quyền tiếp cận các dịch vụ tài chính, tín dụng phù hợp, công bằng, minh bạch để phục vụ mục đích phát triển kinh tế-xã hội”. Quy định này không chỉ có ý nghĩa pháp lí quan trọng, tạo cơ sở hiến định cho việc hoàn thiện pháp luật chuyên ngành mà còn thể hiện cam kết chính trị mạnh mẽ của Nhà nước trong việc thúc đẩy công bằng xã hội, bảo đảm không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển. Đồng thời, cần khẳng định rằng việc ghi nhận quyền tiếp cận tín dụng trong Hiến pháp phải đi đôi với

rà soát, sửa đổi đồng bộ các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành. Nếu chỉ dừng lại ở việc bổ sung trong Hiến pháp mà không cụ thể hóa trong các luật như Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Hợp tác xã... thì quyền này rất dễ bị hình thức hóa, khó triển khai hiệu quả trên thực tế. Các luật chuyên ngành cần sửa đổi theo hướng thiết lập cơ chế bảo đảm quyền tiếp cận tín dụng như một quyền hợp pháp, minh bạch hóa điều kiện tiếp cận vốn, bảo đảm không phân biệt đối xử, bổ sung cơ chế bảo vệ pháp lí khi người dân bị từ chối tín dụng không chính đáng. Bên cạnh đó, cần hoàn thiện khung pháp lí về tài chính vi mô, mở rộng hệ thống bảo lãnh tín dụng, đa dạng hóa các kênh cung ứng tín dụng để bảo đảm quyền tiếp cận tín dụng được thực thi một cách thực chất, hiệu quả, nhất quán từ cấp độ Hiến pháp đến các luật và chính sách cụ thể.

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu ngày càng phụ thuộc vào hệ thống tài chính-tín dụng, quyền tiếp cận tín dụng đóng vai trò then chốt trong việc bảo đảm thực thi các quyền kinh tế-xã hội như quyền phát triển, quyền có việc làm và quyền được bảo đảm mức sống tối thiểu. Trên cơ sở lí luận, quyền tiếp cận tín dụng đáp ứng đầy đủ các đặc tính của quyền con người như tính phổ quát, liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau, không thể chuyển nhượng. Thực tiễn quốc tế, đặc biệt là mô hình tín dụng vi mô của Ngân hàng Grameen đã chứng minh hiệu quả và tính nhân văn của việc mở rộng khả năng tiếp cận tín dụng cho người nghèo và doanh nghiệp nhỏ. Tại Việt Nam, mặc dù chưa có quy định hiến định, hệ thống pháp luật hiện hành đã

thể hiện sự ghi nhận gián tiếp quyền này. Tuy nhiên, để bảo đảm tính thực chất và đồng bộ, cần thiết phải bổ sung quyền tiếp cận tín dụng vào Hiến pháp như một quyền cơ bản. Hiến định hóa quyền tiếp cận tín dụng không chỉ nâng cao giá trị pháp lí mà còn thể hiện cam kết mạnh mẽ của Nhà nước trong việc thúc đẩy công bằng xã hội, tài chính toàn diện và phát triển bền vững./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Amartya Sen (1999), *Development as Freedom*, Oxford University Press.
2. Bayulgen, O. (2013), "Giving Credit Where Credit is Due: Can Access to Credit Be Justified as a New Economic Right?", *Journal of Human Rights*, Vol. 12, Iss. 4.
3. Hudon, M. (2009), "Should access to credit be a right?", *Journal of Business Ethics*, 84(1).
4. Jack Donnelly (2003), *Universal Human Rights in Theory and Practice*, Cornell University Press.
5. Luca Ventura (2021), *World's Most Unbanked Countries*, <https://gfmag.com/data/worlds-most-unbanked-countries/>
6. Lương Khải Ân (2021), *Hợp đồng cho vay trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng – Lí luận và thực tiễn áp dụng*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
7. Marco Meyer (2018), "The right to credit", *Journal of Political Philosophy*, 26(3).
8. Maurice Cranston (1973), *What Are Human Rights?*, Taplinger Publishing Co.
9. Muhammad Yunus (1987), "Credit for Self-employment: A Fundamental Human Right," *Grameen Bank Paper*.

(Xem tiếp trang 56)